

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2020/DS-PT**

Ngày: 17-12-2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**
- Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường** và ông **Mai Xuân Thành**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 25/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 465/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn B; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc M và bà Mai Thị Tuyết N – Luật sư VPLS T; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. Đều có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Đ (Nguyễn Đ) và bà Hoàng Thị Hương Đ; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. Ông Đ có mặt, bà Đ vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị S; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn P; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Văn B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018, Đơn trình bày ý kiến ngày 12/01/2020, Biên bản hòa giải ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Văn B trình bày:

Thửa đất số 728, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.100m² tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị gia đình ông B đã sử dụng từ năm 1975 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số C 938135 ngày 11/01/1994, trong đó có diện tích khoảng 70m² vào năm 1975 khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tập đoàn sản xuất dùng sử dụng để làm đất trà mại. Sau khi Tập đoàn giải thể để thành lập Hợp tác xã thì 70m² trên thuộc viên cư nhà ông B, gia đình ông B đã cho gia đình ông Nguyễn Đ hộ liên kê mượn sử dụng diện tích trên để đặt máy xay gạo. Vào năm 1993, huyện H đo đạc lại theo bản đồ 299 thì phần đất 70m² ông Đ đặt máy xay gạo được đưa vào bản đồ GCNQSDĐ số C 938135 ngày 11/01/1994 cho gia đình ông B. Trong thời gian bao cấp gia đình ông B đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước cho đến khi miễn thuế mới thôi đóng.

Khoảng năm 2000 gia đình ông Văn B có đòi lại 70m² đất trên nhưng gia đình ông Đ không trả. Năm 2014 ông B đã làm đơn gửi UBND xã H để giải quyết nhưng ông Đ cố tình chây ì. Nay, ông B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ phải tháo dỡ tài sản trên phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông B.

Trong giai đoạn Tòa án nhân dân huyện H đang giải quyết vụ án ông B được biết ông Đ và bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ số CQ 165558 ngày 06/6/2019 do Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị ký. Thấy rằng, việc cấp GCNQSDĐ trong thời gian tranh chấp là hoàn toàn trái với quy định về pháp luật đất đai hiện hành; hơn nữa Giấy chứng nhận này được cấp dựa trên cơ sở GCNQSDĐ số AI 208796 ngày 30/11/2006 cấp cho bà Văn Thị P được cấp không đúng vì không được ký hộ liên kê và có tăng về diện tích nhưng chưa được đăng ký biến động. Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy các GCNQSDĐ nêu trên.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/12/2019, Biên bản hòa giải ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ trình bày:

Diện tích đất mà ông Đ sử dụng để xây dựng nhà máy xay gạo thuộc viên cư của gia đình và có nguồn gốc sử dụng từ thời ông, bà, cô. Việc gia đình ông Đ sử

dụng diện tích đất đó để xây dựng nhà máy xay gạo đã được chính quyền địa phương cho phép; gia đình ông Đ đã bắt đầu làm nghề máy xay xát từ năm 1992 đến năm 2000, sau đó sử dụng làm nhà kho để đồ đạc cho đến nay.

Ông Đ không mượn đất của ông B và cũng không có sự việc ông B yêu cầu ông Đ trả đất mà ông Đ không trả. Chỉ vì muốn chiếm đoạt đất nên ông B bịa chuyện và khiếu nại đến Ủy ban, khởi kiện ra Tòa án đòi ông Đ trả lại đất trong khi ông Đ sử dụng diện tích đất để xây dựng nhà máy xay gạo là đất trong viên cư gia đình.

Bị đơn bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số C 938135 do UBND huyện H cấp cho ông Văn B ngày 11/01/1994 và đề nghị xem xét về hành vi đo vẽ sai của cơ quan, người đo vẽ đối với thửa đất số 720 và thửa số 728 tờ bản đồ số 5, bản đồ cấp giấy năm 2000 đã được Sở Địa chính Quảng Trị duyệt ngày 15/7/2000.

Tại Công văn số 56/STNMT - TTr ngày 09/01/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị trình bày:

Ngày 22/5/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H tiếp nhận hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn Đ do bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện H chuyển đến và hẹn trả kết quả ngày 12/6/2019. Quá trình thẩm tra hồ sơ đã thực hiện đúng trình tự thủ tục được quy định tại Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về nguồn gốc: Đất được UBND huyện H cấp cho hộ bà Văn Thị P theo GCNQSDĐ số AI 208796 ngày 30/11/2006 tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.935m². Ngày 14/6/2014 bà P chết không để lại di chúc theo Giấy chứng tử số 38, quyển 01 do UBND xã H cấp ngày 16/6/2014, gia đình ông Đ đã làm văn bản thỏa thuận di sản thừa kế ngày 20/5/2019 được UBND xã H chứng thực ngày 21/5/2019 thống nhất giao cho ông Đ định đoạt toàn bộ diện tích đất mà bà P để lại. Đồng thời ông Đ và vợ là bà Hoàng Thị Hương Đ đồng sử dụng mảnh đất mà ông Đ nhận thừa kế.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H đã thẩm tra hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận và trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị ký cấp theo ủy quyền GCNQSDĐ số CQ 165558 ngày 06/6/2019 cho ông Đ và bà Đ. Việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Đ và bà Đ không làm thay đổi vị trí, hình thể thửa đất. Ông Đ đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy chứng nhận theo quy định. Trong quá trình thụ lý hồ sơ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H không nhận được văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tạm dừng giao dịch đối với GCNQSDĐ số AI 208796 cấp ngày 30/11/2006 cho bà P.

Tại Văn bản số: 610/UBND-TH ngày 22/6/2020 của UBND huyện H trình bày:

Đối chiếu bản đồ giải thửa năm 1994 và bản đồ địa chính năm 2006 UBND huyện H thấy: Hình thể của thửa đất đo đạc lại và cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà Văn Thị P năm 2006 có khác hình thể thửa đất được cấp cho ông Đ năm 1994, cụ thể: Thửa đất bà P được cấp năm 2006 có một phần thửa đất thuộc thửa đất của ông B đã được cấp GCNQSDĐ năm 1994 và một phần thửa đất bị đo sang thửa đất

của ông B theo số liệu đo đạc năm 2006. Ngoài ra việc cấp đổi GCNQSDĐ cho bà P năm 2006 không có tài liệu thể hiện việc ông Đ chuyển quyền sử dụng đất cho bà P. Đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà hộ bà Văn Thị P.

Tại các Văn bản trình bày ngày 16/01/2020, ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thông nhất với ý kiến của ông Đ và bà Đ bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số C 938135 do UBND huyện H cấp cho ông B. Đề nghị xem xét về hành vi đo vẽ sai của cơ quan, người đo vẽ đối với thửa đất số 720 và thửa số 728 tờ bản đồ số 5, bản đồ cấp giấy năm 2000 đã được Sở Địa chính Quảng Trị duyệt ngày 15/7/2000.

Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2020 bà Bùi Thị S trình bày:

Thông nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông Văn B, đồng ý việc Tòa án bổ sung tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do vụ án tranh chấp kéo dài Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án nên không yêu cầu thực hiện thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải sau khi bà S được bổ sung tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Bà S đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì lý do sức khỏe nên không tham gia phiên tòa được.

Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số C 938135 do UBND huyện H cấp cho ông Văn B. Kiến nghị xem xét về hành vi đo vẽ sai của cơ quan, người đo vẽ đối với thửa đất số 720 và thửa số 728 tờ bản đồ số 5, bản đồ cấp giấy năm 2000.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn P đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H: Đề nghị Tòa án xem xét các quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 106, 166, 170 Luật đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn B. Yêu cầu UBND huyện H xác định lại ranh giới, mốc giới giữa các bên để cấp GCNQSDĐ theo đúng hiện trạng các bên đang sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS 2015; khoản 1 Điều 2; Điều 13; khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn B về việc ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ trả lại diện tích 69m² đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 165558 ngày 06/6/2019 cho ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 938135 ngày 11/01/1994 mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho ông Văn B.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Văn B đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 05 tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo hiện trạng sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Nguyên đơn ông Văn B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Bác kháng cáo ông Văn B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn B không rút đơn khởi kiện; Giữ nguyên kháng cáo và bổ sung đề nghị hủy án sơ thẩm, do vi phạm tố tụng. các đương sự không hòa giải được với nhau. Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét kháng cáo ông Văn B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S thì thấy:

[1] Về xác định diện tích tranh chấp: Theo các dấu tích xác định ranh giới giữa hai thửa đất: Ranh giới tiếp giáp giữa 02 thửa đất là hàng cây do ông B trồng nhưng theo ông Đ trình bày ranh giới là hàng dưới (hiện tại còn 02 cây dưới) phía sau nhà máy xay xát được xây dựng năm 1992 (nay là nhà kho) nhưng ông B không thừa nhận. Tại công văn số 57/CV-CNHL ngày 24/10/2019 Văn phòng

Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện H trả lời về ranh giới thửa đất: Đối với bản đồ cấp giấy năm 1994 được đo, căn vẽ thủ công hiện tại chi nhánh đang lưu trữ bản giấy, không có bản đồ dữ liệu dạng số và tọa độ nên chi nhánh không có cơ sở cung cấp ranh giới sơ đồ thửa đất của ông B được cấp giấy năm 1994.

Tại bản vẽ hiện trạng nhà đất của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện H lập ngày 30/8/2019 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/5/2020 thì hiện trạng thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2006 cho bà P (mẹ ông Đ) đã được cấp đổi cho ông Đ và bà Đ vào ngày 06/6/2019. Vị trí, diện tích thửa đất đang tranh chấp như sau: Hướng Đông Bắc giáp đường bê tông (đường đi vào nhà ông Đ) có kích thước 13,95m; hướng Đông Nam giáp đường Phú Lệ B có kích thước 4,61m; hướng Tây Nam giáp đất nhà ông B (theo hiện trạng) có kích thước 14,51m; hướng Tây Bắc giáp đất nhà ông Đ (theo hiện trạng) có kích thước 4,61m. Tổng diện tích: 69m², các bên đương sự thống nhất diện tích này.

[2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 69m² đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

[2.1] Ngày 29/3/1992 ông Đ làm đơn gửi UBND xã H về việc xin được làm nhà đặt máy xay xát địa điểm ngay tại ngõ nhà, trong phạm vi viên cư; ngày 30/3/1992 UBND xã H đã xác nhận đồng ý (bút lục 29). Theo kết quả thẩm định tại chỗ thì trên phần đất đang tranh chấp hiện tại vẫn còn nhà máy xay xát được ông Đ xin phép đặt từ năm 1992, hiện nay đang bỏ trống và đang sử dụng làm nhà kho. như vậy; Ông Đ đã sử dụng phần diện tích đất này liên tục từ năm 1992 đến nay. Nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp cho bị đơn mượn, nay yêu cầu ông Đ phải tháo dỡ tài sản trên phần diện tích đất 69m² đã lấn chiếm nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

[2.2] Căn cứ hồ sơ địa chính và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và các tài liệu khác thấy: Tại hồ sơ cấp đất năm 1994 theo GCNQSDĐ số C938135 là thửa đất số 728, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.100m². Ông B đã cho con trai là Văn Trí 300m², diện tích còn lại là 2.800m² tại thôn P, xã H; hiện nay là thửa số 595 và thửa số 137, tờ bản đồ số 16. Năm 2009 UBND huyện H thu hồi đất để xây dựng công trình Đường Phú Lệ B tại thửa số 595, tờ bản đồ số 16. Tổng diện tích của ông B là 2.353m²; đã bị thu hồi 665m², diện tích còn lại 1.698m² nhưng diện tích sử dụng thực tế hiện nay của ông 2.142m² là nhiều hơn diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng.

[3] Đối với thửa đất của ông Đ và bà Đ: Tại hồ sơ cấp đất năm 1994 theo GCNQSDĐ số C 938439 cấp cho ông Đ là thửa đất 720, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.175m² tại thôn P, xã H; hiện nay là thửa đất số 125, tờ bản đồ số 15. Tại GCNQSDĐ số CQ 165558 ngày 06/6/2019 cấp cho ông Đ và bà Đ có diện tích 5.935m².

[3.1] Tại bản vẽ hiện trạng nhà đất của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện H lập ngày 30/8/2019 và tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/5/2020 thì hiện trạng thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đã được cấp

GCNQSDĐ vào năm 2006 cho bà P (mẹ ông Đ) đã được cấp đổi cho ông Đ và bà Đ vào ngày 06/6/2019.

Như vậy; Thực tế thửa đất hiện nay của nguyên đơn không bị giảm về diện tích đất so với diện tích được cấp GCNQSDĐ năm 1994 sau khi đã tặng cho con trai và bị thu hồi (tăng 444m²). Trên phần đất tranh chấp tài sản là của bị đơn đã được chính quyền địa phương xác nhận vào năm 1992 và sử dụng ổn định liên tục cho đến nay. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về yêu cầu hủy các GCNQSDĐ: Việc cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Văn Thị P năm 2006 không có hồ sơ thể hiện ông Đ chuyển quyền sử dụng đất cho bà P; ngày 06/6/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ số CQ 165558 cấp cho ông Đ và bà Đ, trong khi Tòa án nhân dân huyện H đang thụ lý tranh chấp là vi phạm khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, việc cấp đổi này được thực hiện giữa các thành viên trong hộ gia đình, các thành viên trong gia đình không ai có ý kiến gì và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn, do đó không cần thiết phải hủy các GCNQSDĐ đã cấp cho bà P và Giấy chứng nhận cấp cho ông Đ và bà Đ.

Căn cứ hồ sơ cấp đất cho các đương sự thì ngày 11/01/1994 UBND huyện H cấp các GCNQSDĐ cho ông B và ông Đ là đúng thẩm quyền theo Điều 24 Luật đất đai 1993. Tuy nhiên, việc cấp đất cho ông B đã chồng lên phần diện tích đất của ông Đ đã sử dụng hợp pháp từ năm từ 1992, được chính quyền địa phương xác nhận, việc cấp đất này là không đúng hiện trạng sử dụng đất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn được quy định tại khoản 1 Điều 2; Điều 13 Luật đất đai 1993. Vì vậy, cần hủy GCNQSDĐ số C 938135 ngày 11/01/1994 mà UBND huyện H đã cấp cho ông B. Kiến nghị UBND huyện H cấp lại GCNQSDĐ cho ông B theo hiện trạng sử dụng đất. Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng đúng pháp luật, khách quan nên kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận, HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên Tòa.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo là ông Văn B, bà Bùi Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo các Biên lai thu số 000742, 000743 cùng đề ngày 25/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông B, bà S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng cấp phúc thẩm không xét, có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn ông Văn B, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 2; Điều 13; khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn B về việc đòi ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ trả lại diện tích 69m² đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 15 tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 165558 ngày 06/6/2019 cho ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Hoàng Thị Hương Đ.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 938135 ngày 11/01/1994 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Văn B.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Văn B đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 05 tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo hiện trạng sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo là ông Văn B, bà Bùi Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo các Biên lai thu số 000742, 000743 cùng đề ngày 25/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông B, bà S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn